

BỘ NỘI VỤ
TRUNG TÂM LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐẠT YÊU CẦU VÒNG 1 KỲ THI TIẾNG HÀN
NGÀNH NGƯ NGHIỆP NĂM 2025**

(Kèm theo Công văn số 1070 /TTLĐNN-TCLĐ ngày 24 /10/2025)

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố
374	50303001	HOANG VAN TRUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
375	50303002	PHAM VAN NHAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
376	50303003	HO XUAN SANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
377	50303004	HO THI THUY	Ngư nghiệp	Nghệ An
378	50303007	LE VAN LOI	Ngư nghiệp	Nghệ An
379	50303009	MAI THI MY	Ngư nghiệp	Nghệ An
380	50303010	LE VAN QUANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
381	50303011	BUI VAN LAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
382	50303012	BUI VAN AN	Ngư nghiệp	Nghệ An
383	50303013	VU DUC CUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
384	50303015	DANG THI LINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
385	50303016	LE VAN DAC	Ngư nghiệp	Nghệ An
386	50303017	NGUYEN VAN VIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
387	50303018	LE HONG KIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
388	50303019	TRAN XUAN HOA	Ngư nghiệp	Nghệ An
389	50303020	LE VAN MINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
390	50303021	NGUYEN VAN HIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
391	50303023	HOANG LONG VU	Ngư nghiệp	Nghệ An
392	50303024	HOANG VAN NAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
393	50303026	VU DUC KHAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
394	50303027	NGUYEN VAN VIET	Ngư nghiệp	Nghệ An
395	50303028	VAN SY DAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
396	50303029	NGUYEN VAN SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
397	50303030	HO SI THUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
398	50303031	TRUONG QUANG LINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
399	50303034	DAU DINH HIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
400	50303035	LE BA THOA	Ngư nghiệp	Nghệ An
401	50303036	DAU VAN HAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
402	50303037	LE BA THAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
403	50303039	LE THANH BIN	Ngư nghiệp	Nghệ An
404	50303041	DAU DINH HUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
405	50303042	TRAN XUAN HIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
406	50303044	LE BA SON	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố
407	50303045	LE BA THANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
408	50303053	HO VAN DIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
409	50303055	VU DUC LUU	Ngư nghiệp	Nghệ An
410	50303058	NGUYEN NHO THO	Ngư nghiệp	Nghệ An
411	50303060	NGUYEN VAN HAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
412	50303064	LE VAN DAT	Ngư nghiệp	Nghệ An
413	50303065	NGUYEN XUAN HOC	Ngư nghiệp	Nghệ An
414	50303067	TRAN XUAN VI	Ngư nghiệp	Nghệ An
415	50303069	LE VAN HA	Ngư nghiệp	Nghệ An
416	50303070	TRAN SY TIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
417	50303071	TRAN XUAN DAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
418	50303072	DAU DINH QUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
419	50303075	CAO VAN BAO	Ngư nghiệp	Nghệ An
420	50303078	NGUYEN DUC HUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
421	50303079	LUU DINH TOAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
422	50303080	LUU DINH LE	Ngư nghiệp	Nghệ An
423	50303082	NGUYEN NHO NAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
424	50303083	HOANG DINH CONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
425	50303084	LUU DINH MANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
426	50303085	TRAN VAN TRUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
427	50303086	LUU DINH THANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
428	50303087	TRAN XUAN LAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
429	50303089	TRINH THANH DINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
430	50303090	TRAN HUU AN	Ngư nghiệp	Nghệ An
431	50303092	TRAN DINH DOAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
432	50303093	BUI THI LINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
433	50303094	LE BA LONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
434	50303095	LE BA HIEP	Ngư nghiệp	Nghệ An
435	50303096	HOANG DINH KIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
436	50303097	CAO VAN KY	Ngư nghiệp	Nghệ An
437	50303098	DANG VAN DAT	Ngư nghiệp	Nghệ An
438	50303100	MAI VAN ANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
439	50303102	HO XUAN THUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
440	50303108	NGUYEN VAN HAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
441	50303109	THAI VAN PHU	Ngư nghiệp	Nghệ An
442	50303110	NGO ANH TUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
443	50303111	NGUYEN VAN TUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
444	50303114	NGUYEN VAN HIEP	Ngư nghiệp	Nghệ An
445	50303115	LE HONG QUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
446	50303116	LUU DINH HUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố
447	50303117	HO TRUONG SANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
448	50303119	PHAM VAN DUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
449	50303120	DAU DINH NUI	Ngư nghiệp	Nghệ An
450	50303121	LUU DINH LONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
451	50303122	TRAN DUC MIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
452	50303123	NGUYEN TAI HAI TRIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
453	50303124	HOANG VAN HOA	Ngư nghiệp	Nghệ An
454	50303125	HOANG KHAC HIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
455	50303126	PHAN BAO TRUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
456	50303127	DANG PHU QUY	Ngư nghiệp	Nghệ An
457	50303128	DAU DANG NAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
458	50303129	HOANG HAI HUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
459	50303130	NGO VAN DUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
460	50303132	LUU DINH TOAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
461	50303133	TRAN MINH THONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
462	50303136	PHAM VAN TUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
463	50303137	TRAN DINH BA DUY	Ngư nghiệp	Nghệ An
464	50303138	NGUYEN HONG TAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
465	50303139	DOAN VAN NGHIA	Ngư nghiệp	Nghệ An
466	50303140	BUI VAN HOA	Ngư nghiệp	Nghệ An
467	50303142	NGO VAN THANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
468	50303143	HO SY BINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
469	50303144	HO VAN TUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
470	50303146	TRAN VAN SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
471	50303147	VU XUAN MINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
472	50303148	NGUYEN VAN THUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
473	50303149	NGUYEN TUAN ANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
474	50303150	NGUYEN VAN THUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
475	50303152	NGUYEN VAN CUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
476	50303153	NGUYEN VAN LUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
477	50303156	LUU DINH TUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
478	50303158	TRUONG XUAN TRI	Ngư nghiệp	Nghệ An
479	50303159	NGUYEN VAN TUAT	Ngư nghiệp	Nghệ An
480	50303160	NGUYEN KE TAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
481	50303161	LUU DINH SAC	Ngư nghiệp	Nghệ An
482	50303162	NGUYEN BIEN VANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
483	50303163	NGUYEN THI MAI OANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
484	50303164	LE BA NGUYEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
485	50303165	LE VAN SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
486	50303166	DANG VAN THANH	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố
487	50303168	NGUYEN PHUC QUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
488	50303169	NGUYEN VAN KIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
489	50303170	TRUONG VAN TRUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
490	50303171	NGUYEN VAN SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
491	50303173	NGUYEN VAN KHANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
492	50303174	NGUYEN DUY KHANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
493	50303175	VU XUAN NGHIA	Ngư nghiệp	Nghệ An
494	50303177	PHAN THI KHANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
495	50303178	HOANG THI HANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
496	50303179	PHAM THI NHUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
497	50303180	DAU THI THAO	Ngư nghiệp	Nghệ An
498	50303181	NGUYEN VAN DUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
499	50303182	HOANG DUC DUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
500	50303183	HOANG DUC QUANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
501	50303184	TRAN DUC VUOT	Ngư nghiệp	Nghệ An
502	50303185	NGUYEN VAN TUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
503	50303187	HO VAN TAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
504	50303189	HO HUU NAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
505	50303191	NGUYEN VAN HUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
506	50303192	LUU VAN QUYEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
507	50303193	TRAN QUANG ANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
508	50303196	NGUYEN HUU HOANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
509	50303197	HO PHUC MANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
510	50303198	NGUYEN HUU THANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
511	50303199	PHAN DUC HUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
512	50303200	TRUONG DUC UOC	Ngư nghiệp	Nghệ An
513	50303203	NGUYEN DUC DUOC	Ngư nghiệp	Nghệ An
514	50303205	HOANG VAN TIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
515	50303208	PHAM QUANG HUY	Ngư nghiệp	Nghệ An
516	50303209	DAO MINH LUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
517	50303210	LE VAN THANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
518	50303212	HO KHAC MANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
519	50303213	NGUYEN VAN DONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
520	50303214	HO VAN LUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
521	50303215	HOANG VAN QUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
522	50303216	NGUYEN VAN THI	Ngư nghiệp	Nghệ An
523	50303217	HOANG VAN PHAP	Ngư nghiệp	Nghệ An
524	50303218	HO KHAC SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
525	50303219	HOANG PHI HIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
526	50303220	HO PHUC DOC	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố
527	50303221	PHAN VAN Y	Ngư nghiệp	Nghệ An
528	50303222	TRAN NAM HUY	Ngư nghiệp	Nghệ An
529	50303224	NGUYEN VAN HAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
530	50303225	NGUYEN BUI NHAT	Ngư nghiệp	Nghệ An
531	50303226	BUI VAN BINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
532	50303227	LE VAN NHAT	Ngư nghiệp	Nghệ An
533	50303228	LE DUY NANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
534	50303230	PHAN TRUNG KIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
535	50303231	DAU DUC THANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
536	50303232	NGUYEN NGOC CUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
537	50303234	TRAN VAN CAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
538	50303235	TRUONG VAN CHAU	Ngư nghiệp	Nghệ An
539	50303237	NGUYEN VAN HAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
540	50303240	NGUYEN TRUNG HOANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
541	50303241	HO NGOC TU	Ngư nghiệp	Nghệ An
542	50303244	VU XUAN CHUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
543	50303245	HO HUU THU	Ngư nghiệp	Nghệ An
544	50303246	HO VAN LUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
545	50303247	HO VAN BAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
546	50303249	HO VAN TAY	Ngư nghiệp	Nghệ An
547	50303250	NGUYEN TAM PHUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
548	50303252	LE VIET PHU	Ngư nghiệp	Nghệ An
549	50303253	NGUYEN VAN CUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
550	50303254	HO VAN TOA	Ngư nghiệp	Nghệ An
551	50303255	LE QUANG VU	Ngư nghiệp	Nghệ An
552	50303258	NGUYEN VAN THIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
553	50303262	NGUYEN VAN DUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
554	50303264	LE VAN TRIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
555	50303266	LE VAN SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
556	50303268	NGUYEN VAN HIEP	Ngư nghiệp	Nghệ An
557	50303269	HO PHUC VIET	Ngư nghiệp	Nghệ An
558	50303270	NGUYEN DINH ANH TUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
559	50303271	NGUYEN VAN PHU	Ngư nghiệp	Nghệ An
560	50303272	HO VAN LUU	Ngư nghiệp	Nghệ An
561	50303275	NGUYEN VAN CUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
562	50303276	LE QUANG TUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
563	50303277	NGUYEN VAN DUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
564	50303280	TRUONG VAN DUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
565	50303281	PHAN VAN LONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
566	50303282	NGUYEN XUAN HUU	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố
567	50303285	NGUYEN VAN XANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
568	50303286	LE DANG KHOA	Ngư nghiệp	Nghệ An
569	50303287	HOANG QUANG HOAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
570	50303288	VU VAN LONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
571	50303292	VU VAN KHANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
572	50303293	NGUYEN TUAN ANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
573	50303294	HOANG DUC QUE	Ngư nghiệp	Nghệ An
574	50303295	NGUYEN VAN HAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
575	50303296	DANG VAN LOI	Ngư nghiệp	Nghệ An
576	50303297	NGUYEN VAN HUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
577	50303298	NGUYEN QUOC TRUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
578	50303299	NGUYEN VAN DAT	Ngư nghiệp	Nghệ An
579	50303300	NGUYEN VAN PHI	Ngư nghiệp	Nghệ An
580	50303302	NGUYEN DUC SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
581	50303303	NGUYEN XUAN DAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
582	50303304	LE CONG DUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
583	50303307	VU XUAN HAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
584	50303308	NGUYEN VAN LINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
585	50303310	VO VAN KIET	Ngư nghiệp	Nghệ An
586	50303311	HO VAN ANH	Ngư nghiệp	Nghệ An
587	50303313	HO NGHIA QUANG VINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
588	50303315	NGUYEN VAN KY	Ngư nghiệp	Nghệ An
589	50303316	TRUONG DUC TAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
590	50303319	NGUYEN XUAN SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
591	50303324	TRUONG QUANG NAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
592	50303325	BUI VAN HONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
593	50303327	PHAN VAN HIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
594	50303329	DAU VIET QUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
595	50303330	HO BA LUU	Ngư nghiệp	Nghệ An
596	50303331	DAU MINH TAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
597	50303332	HO VAN THUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
598	50303333	PHAM DANG BIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
599	50303334	LE DUC THANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
600	50303335	BACH TRONG DE	Ngư nghiệp	Nghệ An
601	50303337	NGUYEN THI TRINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
602	50303338	HOANG PHI THANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
603	50303341	HOANG VAN PHUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
604	50303342	NGUYEN VAN NHAT	Ngư nghiệp	Nghệ An
605	50303344	NGO TRI QUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
606	50303345	LE THI HOI	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố
607	50303346	NGUYEN NGOC TU	Ngư nghiệp	Nghệ An
608	50303348	HOANG VAN NAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
609	50303349	PHAM DANG HONG QUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
610	50303351	HOANG VAN THAO	Ngư nghiệp	Nghệ An
611	50303355	BUI NGOC LOI	Ngư nghiệp	Nghệ An
612	50303358	PHAM VAN CUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
613	50303359	PHAM CONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
614	50303360	TRAN XUAN VINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
615	50303361	HO VAN HIEU	Ngư nghiệp	Nghệ An
616	50303363	HO VAN CHINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
617	50303366	TRAN VAN PHAP	Ngư nghiệp	Nghệ An
618	50303367	NGUYEN HUU VIET	Ngư nghiệp	Nghệ An
619	50303369	NGUYEN HUU SON	Ngư nghiệp	Nghệ An
620	50303371	NGUYEN DUC LUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
621	50303372	HOANG VAN NHAT	Ngư nghiệp	Nghệ An
622	50303373	NGUYEN VAN TUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
623	50303374	LE VAN TOAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
624	50303375	BUI HUU HIEP	Ngư nghiệp	Nghệ An
625	50303376	CHU TUNG	Ngư nghiệp	Nghệ An
626	50303377	THAI NGOC DONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
627	50303378	TRAN DUC THINH	Ngư nghiệp	Nghệ An
628	50303379	TRAN MINH QUAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
629	50303380	CU VAN HOP	Ngư nghiệp	Nghệ An
630	50303384	NGUYEN VINH HIEN	Ngư nghiệp	Nghệ An
631	50303386	NGUYEN THI LAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
632	50303387	HO VAN TU	Ngư nghiệp	Nghệ An
633	50303389	NGUYEN VAN HAU	Ngư nghiệp	Nghệ An
634	50303391	HO ANH TAI	Ngư nghiệp	Nghệ An
635	50303392	HO NANG PHONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
636	50303394	TRUONG DAC LONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
637	50303395	TRAN QUANG HUY	Ngư nghiệp	Nghệ An
638	50303396	TRAN VAN HA	Ngư nghiệp	Nghệ An
639	50303402	HO THOM	Ngư nghiệp	Nghệ An
640	50303403	TRAN DUC CUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
641	50303404	HO DUC VIET	Ngư nghiệp	Nghệ An
642	50303405	TRAN VAN SAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
643	50303406	CHU PHUC HOANG	Ngư nghiệp	Nghệ An
644	50303407	HOANG VAN KHOE	Ngư nghiệp	Nghệ An
645	50303409	PHAN THI PHUONG	Ngư nghiệp	Nghệ An
646	50303410	HO DUC GIOI	Ngư nghiệp	Nghệ An

STT	SBD	Họ và tên	Ngành nghề	Tỉnh/thành phố
647	50303412	HO HUY	Ngư nghiệp	Nghệ An
648	50303414	HO SU TAM	Ngư nghiệp	Nghệ An
649	50303416	BUI NGOC PHUC	Ngư nghiệp	Nghệ An
650	50303419	PHAN VAN HOAN	Ngư nghiệp	Nghệ An
651	50303420	NGUYEN THI BICH NGOC	Ngư nghiệp	Nghệ An
652	50303422	HO VAN VIET	Ngư nghiệp	Nghệ An
653	50303424	NGUYEN DINH DUOC	Ngư nghiệp	Nghệ An
654	50303426	BUI VAN TAY	Ngư nghiệp	Nghệ An
655	50303427	HOANG VAN TAY	Ngư nghiệp	Nghệ An